

## 1. Về hội nhập quốc tế

30 năm Đảng Cộng sản Việt Nam phát động, lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước là một trong những chặng đường sáng tạo và đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Trong các giai đoạn của công cuộc cách mạng đầy sáng tạo trước đây, cũng như trong thời kỳ đổi mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến việc nhìn nhận bối cảnh quốc tế với cả những biến động và chiều hướng biến động của nó. Chính việc nhìn xa trông rộng như vậy giúp cho các định hướng và đường lối của Đảng luôn bám sát bước đi của nhân loại, tận dụng được sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, đưa đất nước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, giữ vững được định hướng phát triển. Qua những năm đổi mới, mặc dù tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, với những chuyển biến lớn khó lường, nhưng trong các kỳ đại hội của Đảng, từ Đại hội VI (1986) đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn có những nhận thức xác đáng về thời đại, tình hình thế giới và khu vực, từ đó, Đảng định hướng những chính sách đối nội và đối ngoại hợp lý, bám sát tình hình.

Đại hội VI mở đầu cho thời kỳ đổi mới đất nước. Đảng nhận định: cách mạng khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống kinh tế-xã hội của thế giới. Đồng thời, Đại hội VI cũng đưa ra chủ trương tranh thủ những điều kiện thuận lợi về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi vào việc phân công và hợp tác quốc tế trong "Hội đồng tương trợ kinh tế và mở rộng với các nước khác". Tới Đại hội VII (1991), Đảng định hướng "đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ với các quốc gia, các tổ chức kinh tế"<sup>1</sup>. Đến Đại hội VIII (1996), thuật ngữ "hội nhập" bắt đầu được đề cập trong các văn kiện của Đảng: "Xây dựng một nền kinh tế mới, hội nhập với khu vực và

thế giới"<sup>2</sup>. Văn kiện Đại hội IX (2001) của Đảng nhấn mạnh việc "chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa"<sup>3</sup>. Tại Đại hội X (2006), Đảng đã nêu chủ trương "chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác"<sup>4</sup>. Đó chính là cơ sở và là bước tiếp cận mới để Đại hội XI (2011) nhấn mạnh "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế"<sup>5</sup> và Đại hội XII (2016) tiếp tục khẳng định: "thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế"<sup>6</sup>.

Từ chủ trương tranh thủ cơ hội của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật để tham gia phân công hợp tác quốc tế, đẩy mạnh quan hệ kinh tế với khu vực và các nước trên thế giới, đến mức cao hơn là tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và một số lĩnh vực khác, tới nay Đảng coi HNQT tức là chủ động tích cực hội nhập trên tất cả các lĩnh vực.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định chủ động và tích cực HNQT là định hướng chiến lược nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. HNQT là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mọi cơ chế, chính sách phải phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân, khai thác hiệu quả các tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân. HNQT trên cơ sở phát huy tối đa nội lực; gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia; gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng, miền, khu vực trong nước. Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải

tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển văn hóa xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước.

## 2. Hội nhập quốc tế của Việt Nam

Thực hiện chính sách chủ động và tích cực HNQT, trong những năm qua, Việt Nam đã đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác quan trọng đối với sự phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất. Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Không chỉ tăng cường hợp tác về kinh tế, Việt Nam cũng đã đẩy mạnh và từng bước đưa vào chiều sâu các hoạt động hợp tác về các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học-công nghệ, giáo dục-đào tạo, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác; lồng ghép các hoạt động HNQT trong quá trình xây dựng và triển khai chiến lược phát triển các lĩnh vực này. Có thể đánh giá thực trạng mức độ HNQT của Việt Nam trên một số lĩnh vực cụ thể cơ bản.

### *Một là, hội nhập kinh tế quốc tế*

Quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam trong những năm qua được thể hiện cả ở chiều rộng lẫn chiều sâu. Hội nhập kinh tế theo chiều rộng là quá trình mở cửa, gắn kết nền kinh tế và thị trường trong nước với nền kinh tế và thị trường khu vực, thị trường thế giới thông qua việc thiết lập các mối quan hệ song phương về thương mại, đầu tư, tài chính, khoa học công nghệ; tham gia vào các thể chế đa phương về kinh tế, tài chính và thương mại quốc tế. Hội nhập theo chiều sâu thể hiện qua các cấp độ liên kết kinh tế như: tham gia các thỏa

thuận thương mại ưu đãi; tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA); tham gia các liên minh thuế quan; tham gia thị trường chung; tham gia các liên minh kinh tế-tiền tệ.

Có thể nói, tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế của Việt Nam đã đạt được những kết quả rất khả quan. Việt Nam đã ký kết FTA với ASEAN, Nhật Bản, Chi-lê, EU, Hàn Quốc, ký Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); Việt Nam cùng ASEAN ký kết FTA với Ấn Độ, Úc-traylia-Niu Dilân, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc. Sau khi Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007, các nhà đầu tư nước ngoài có sự chuyển hướng sang Việt Nam, một đất nước ổn định về chính trị và kinh tế vĩ mô, có nguồn lao động dồi dào, chi phí thấp. Trong những năm qua, vốn FDI thực hiện hằng năm đạt mức bình quân gần 11 tỷ USD/năm, kim ngạch xuất khẩu năm 2014 đạt 150 tỷ USD (trong đó 62,6% là xuất khẩu của doanh nghiệp FDI), tăng gấp 30 lần kim ngạch xuất khẩu năm 1995 (năm Việt Nam bắt đầu hội nhập kinh tế quốc tế, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 5 tỷ USD). Trong giai đoạn 2011-2015, kim ngạch xuất khẩu tăng khá, đạt bình quân 10,5%/năm, vốn FDI đăng ký trong giai đoạn này đạt 99 tỉ USD, vốn thực hiện đạt 60,5 tỉ USD; vốn ODA ký kết khoảng 27,8 tỉ USD. Việc ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), các hiệp định thương mại với Liên minh Á-Âu và Liên minh châu Âu cùng với việc hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN, sẽ mở cho Việt Nam cơ hội tiếp cận thị trường các nước có tổng GDP bằng 63% GDP thế giới và thuế suất bằng 0%. Việc thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tạo cơ hội mở rộng đa dạng hóa thị trường với mức ưu đãi cao, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng, mạng lưới sản xuất toàn cầu và quá trình định hướng các định chế, cơ chế, cấu trúc kinh tế khu vực và quốc tế. Người tiêu dùng có thêm cơ hội lựa chọn hàng

hóa, dịch vụ chất lượng cao, giá cả cạnh tranh, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, môi trường.

**Hai là, hội nhập văn hóa-xã hội, môi trường**

Ở cấp khu vực, đặc biệt trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam đóng vai trò tích cực vào việc xây dựng Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN, hướng tới "sự thống nhất trong đa dạng". Ở cấp độ toàn cầu, Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các thể chế, diễn đàn đa phương về văn hóa như Tổ chức Văn hóa-Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO), Cộng đồng Pháp ngữ, Ủy ban Di sản thế giới. Không chỉ tham gia và thực hiện các cam kết, với tư cách là thành viên của các tổ chức quốc tế, Việt Nam đã đóng góp vào việc sửa đổi, hoàn thiện, xây dựng mới các chuẩn mực, sáng kiến của các tổ chức đó.

Quá trình mở cửa và hội nhập về văn hóa-xã hội giúp Việt Nam mở rộng khả năng tiếp cận các nền văn hóa khác nhau; tiếp thu các giá trị tiên tiến của nhân loại; học tập những kinh nghiệm tốt để giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc, kết hợp tốt hơn văn hóa truyền thống với văn hóa đương đại; tận dụng các cơ hội để quảng bá văn hóa và những giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới.

HNQT về môi trường, chống biến đổi khí hậu giúp cho Đảng và đất nước những kinh nghiệm quý, tăng thêm nguồn lực để có những chính sách và giải pháp hữu hiệu trong việc phòng, chống, làm giảm thiểu những thảm họa thiên nhiên, bảo đảm an ninh quốc gia và an toàn cho con người.

**Ba là, hội nhập chính trị, quốc phòng, an ninh**

Ở cấp độ song phương, hội nhập chính trị của Việt Nam trong những năm qua có bước chuyển căn bản từ chú trọng mở rộng quan hệ với các nước sang đưa mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước đi vào chiều sâu và ổn định. Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ song phương giữa Việt Nam với các nước, nhất là các

nước láng giềng, khu vực, các nước lớn, các nước bạn bè truyền thống và các đối tác tiềm năng. Việt Nam đã thiết lập quan hệ với hầu hết các nước là thành viên Liên hợp quốc, trong đó đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp ngày càng tích cực, có tín nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới, phát huy vai trò tích cực trong Cộng đồng ASEAN.

Về quốc phòng-an ninh, Việt Nam hội nhập từng bước trong những tình huống và thời điểm cụ thể. Đó là tham gia hầu hết các diễn đàn an ninh khu vực như các hội nghị trong khuôn khổ ASEAN: Hội nghị các Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng, Hội nghị Tư lệnh lực lượng quốc phòng các nước ASEAN, Hội nghị những người đứng đầu cơ quan Tình báo quân sự, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Đối thoại Shangrila, Diễn đàn Hải quân Tây Thái Bình Dương. Việt Nam cũng đang mở rộng các hoạt động hợp tác trao đổi quân sự trên thực tế như trao đổi các đoàn quân sự cấp cao, tiếp nhận tàu hải quân của một số nước sang thăm thiện chí; tiến hành tuần tra chung giữa Hải quân Việt Nam với một số nước. Ở cấp toàn cầu, Việt Nam tham gia Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế Interpol từ năm 1990 và tham gia Diễn đàn Tư lệnh cảnh sát các nước ASEAN. Tháng 5-2014, Việt Nam đã chính thức cử sĩ quan tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

Quan hệ quốc phòng-an ninh song phương được mở rộng. Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng với hơn 80 nước, bao gồm tất cả các thành viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; đã ký 50 hiệp định, bản ghi nhớ hợp tác tương trợ tư pháp hình sự chống tội phạm, phòng chống ma túy với các nước. Quan hệ quốc phòng-an ninh đa

phương có bước phát triển về số lượng, chất lượng và hiệu quả

### 3. Tác động của hội nhập quốc tế đối với công tác xây dựng Đảng

#### *Tác động thuận*

*Một là*, HNQT góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

HNQT càng sâu rộng, không gian chính trị chiến lược và vị thế của Việt Nam càng được nâng cao. Việt Nam chủ động, nhất quán tham gia bảo vệ hòa bình, hợp tác và phát triển, đẩy mạnh thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tạo dựng khuôn khổ quan hệ hợp tác bình đẳng, ổn định, lâu dài, đi vào chiều sâu, cùng có lợi, tạo sự đan xen lợi ích địa chính trị chiến lược; đẩy lùi, làm thất bại mọi hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

HNQT đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới phương thức phát triển kinh tế-xã hội đất nước. Các thành tựu có được nhờ mở cửa, hội nhập đã góp phần quan trọng tạo cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng tiếp tục đổi mới tư duy, hoạch định đường lối, chính sách sát hợp với đời sống quốc tế và trong nước.

*Hai là*, HNQT tạo thuận lợi cho Việt Nam thu hút nguồn lực để phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Việt Nam có môi trường và điều kiện thuận lợi để chủ động, tích cực HNQT, thu hút nguồn lực to lớn từ bên ngoài phục vụ sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Tiến trình toàn cầu hóa, sự phát triển năng động của khu vực cùng xu hướng liên kết kinh tế đa dạng tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam gia nhập, tranh thủ các thể chế

kinh tế khu vực và toàn cầu; tiếp nhận và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, những thành tựu mới về khoa học, công nghệ và kỹ năng quản lý để phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Việc thực hiện các cam kết quốc tế trong tiến trình hội nhập vừa đòi hỏi, vừa tạo điều kiện để Đảng Cộng sản Việt Nam đổi mới tư duy lý luận về thời đại, thế giới đương đại; mở rộng quan hệ với các đảng, tăng cường đối ngoại Đảng, nâng cao vị thế quốc tế của Đảng và của đất nước; góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Từ đó, Đảng lãnh đạo việc hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật theo tiêu chí quốc tế, bảo đảm cho nền kinh tế Việt Nam có điều kiện thích ứng cao với sự thay đổi nhanh chóng của bối cảnh quốc tế và khu vực.

HNQT tác động tới việc điều chỉnh vai trò của Nhà nước phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Nhà nước tập trung vào quản lý, điều hành vĩ mô, kiến tạo phát triển và phát huy dân chủ trong đời sống xã hội. Việc huy động và phân bổ các nguồn lực gắn với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội sẽ hạn chế và kiểm soát được quyền lực, cải cách hành chính được đẩy mạnh và tiến bộ. Thông qua HNQT, năng lực và kinh nghiệm quản lý kinh tế thị trường được nâng lên và hiệu quả hơn.

HNQT cũng tạo động lực thúc đẩy các nhà quản lý, doanh nhân, doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua tăng cường quản trị, đổi mới công nghệ và phương thức kinh doanh. Việc thực hiện các cam kết hội nhập giúp các doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tiếp cận vốn, công nghệ và phương thức quản lý tiên tiến để tăng khả năng cạnh tranh. Mặt khác, việc chủ động tham gia các FTA thế hệ mới sẽ tạo điều kiện để các bộ, ngành và doanh nghiệp nắm bắt các tiêu chuẩn,

quy tắc thương mại mới của thế giới đang định hình, từ đó thúc đẩy kế hoạch và giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây cũng chính là cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng định hình các quan điểm, chủ trương, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, quốc gia khởi nghiệp. Đồng thời, để phát triển nguồn nhân lực cho hội nhập, công tác cán bộ của Đảng cũng được đổi mới, thúc đẩy việc xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu mới.

*Ba là*, HNQT cũng góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, quảng bá rộng rãi hình ảnh đất nước và con người Việt Nam với bạn bè thế giới.

Thông qua thúc đẩy chuyên dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng thương mại, hợp tác lao động, thu hút đầu tư, du lịch, HNQT tạo nhiều việc làm, cải thiện thu nhập và nâng cao đời sống nhân dân. Hợp tác văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học-công nghệ... tạo cơ hội để các tầng lớp nhân dân tiếp cận tri thức và giá trị tốt đẹp của nhân loại, từ đó nâng cao trình độ học vấn, mặt bằng dân trí và đời sống tinh thần của nhân dân.

### **Tác động không thuận**

*Một là*, hội nhập kinh tế quốc tế làm cho nền kinh tế dễ bị tổn thương và thúc đẩy xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào bên ngoài.

Trong môi trường hội nhập, các biến động bất lợi của kinh tế thế giới và khu vực tác động nhanh và mạnh đến kinh tế Việt Nam thông qua kênh thương mại, đầu tư, tài chính tiền tệ. Ngay việc thực hiện cắt giảm thuế theo cam kết của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng gây khó khăn cho việc thu ngân sách. Việc mở cửa thị trường tài chính-ngân hàng trong điều kiện sức cạnh tranh của hệ thống ngân hàng còn yếu sẽ tiềm ẩn rủi ro, bất ổn. Các thị trường như bất động sản, thị trường vốn, thị trường lao động phát triển chưa đồng bộ rất dễ bị nước ngoài thâm tóm.

HNQT làm bộc lộ sự yếu kém trong năng lực cạnh tranh vì kinh tế Việt Nam cơ bản vẫn phát triển theo chiều rộng, chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư và xuất khẩu hàng gia công có giá trị gia tăng thấp; vào khai thác tài nguyên, khoáng sản. Trong khi đó, doanh nghiệp nhà nước chậm đổi mới và kém hiệu quả, còn tuyệt đại doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ, phát triển manh mún nên không đủ sức cạnh tranh khi hội nhập sâu hơn.

HNQT đang thúc đẩy xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào bên ngoài về đầu tư và xuất khẩu, là hai động lực chính của tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vừa qua. Vốn nước ngoài đổ vào Việt Nam bình quân gần 50% tổng đầu tư xã hội. Việc quá phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI cũng như thiếu liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI khiến khu vực kinh tế trong nước không chỉ bị phụ thuộc mà còn bị tụt hậu ngày càng xa.

*Hai là*, hội nhập và liên kết quốc tế có thể làm gia tăng nguy cơ bất ổn về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Mở cửa, tự do hóa, hội nhập làm cho những biến động xấu, tiêu cực về môi trường an ninh-phát triển ở khu vực và thế giới như khủng bố, tội phạm quốc tế, an ninh mạng... có cơ hội để có thể xâm nhập vào Việt Nam. Tình hình đó tác động vào lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong xã hội. Cùng với nó, xu hướng người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, học tập, du lịch ngày càng nhiều, trong đó có những thế nhân ở các nước, các vùng lãnh thổ có hoạt động ly khai, tôn giáo cực đoan, tội phạm nên dễ dẫn tới những vấn đề phức tạp về an ninh trật tự.

Không những thế, các thế lực thù địch, phản động có thể lợi dụng chính sách mở cửa, hội nhập để đẩy mạnh hoạt động phá hoại kinh tế thông qua hợp tác, đầu tư tác động vào nội bộ, thúc đẩy "tư

diễn biến”, “tự chuyển hóa” và thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”.

Ba là. HNQT sâu rộng trong khi “sức đề kháng” về văn hóa chưa cao dễ bị những loại hình văn hóa độc hại từ bên ngoài xâm nhập qua các ấn phẩm văn hóa và trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng Internet. Việc thực hiện các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa cũng có thể dẫn tới nguy cơ Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ dịch vụ văn hóa của các nước, nhất là trong lĩnh vực nghe, nhìn.

Từ những tác động thuận và không thuận nêu trên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra được một số kinh nghiệm và xác định những việc cần làm để có thể phát huy những mặt tích cực, khắc phục, đối phó với những thách thức và tiêu cực nảy sinh trong quá trình HNQT.

Khi tham gia HNQT, phải tính toán rất thận trọng đến những tác động và hệ quả lâu dài của quá trình hội nhập đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước. Phải xây dựng được chiến lược phát triển kinh tế xã hội và bước đi của đất nước thích ứng với tình hình chính trị, kinh tế thế giới với các mục tiêu và lộ trình của các khuôn khổ hợp tác tay đôi, tiểu khu vực, liên châu lục và toàn cầu, sao cho các cam kết và thỏa thuận trong các khuôn khổ hợp tác đó hài hòa, không bị vênh nhau hoặc mâu thuẫn với nhau, không gây bất lợi cho đất nước.

Để tránh gây ra những đảo lộn về xã hội, trong HNQT, Đảng xác định giải quyết hợp lý giữa các quan hệ: quan hệ giữa bảo đảm độc lập, tự chủ của đất nước với chủ động, tích cực HNQT; giữa quyền lợi và nghĩa vụ của đất nước trong các thể chế hội nhập; giữa mục tiêu kinh tế, xã hội trong nước với những yêu cầu và đòi hỏi của bên ngoài; giữa các vấn đề kinh tế thương mại với các lĩnh vực khác. Nếu không kịp thời thích ứng, phản ứng linh hoạt, điều chỉnh hợp lý, không khai thác được

lợi thế so sánh của mình, thì sẽ rất dễ bị tổn thương trong quá trình hội nhập. Phải cân nhắc, lựa chọn những ngành mình có lợi thế cạnh tranh để mở cửa, đồng thời xác định những ngành và lĩnh vực cần tập trung củng cố để có thể cạnh tranh được trong tương lai.

Nhìn tổng thể, HNQT thời gian tới có những tác động thuận và không thuận đối với Việt Nam và đặt ra đối với công tác xây dựng Đảng nhiều vấn đề cần giải quyết. Tuy nhiên, phần lớn các thách thức đó đã được Đảng nhận rõ từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Thực tiễn những năm qua chứng tỏ Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo tận dụng tốt những cơ hội và xử lý khả thành công các thách thức, hóa giải được nhiều những tác động không thuận trong HNQT, làm cho hội nhập trở thành một kênh quan trọng, một phương thức để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2007, T. 51, tr. 178

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 84-85

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 42

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 112

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 46

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr. 52.